

# MÔ HÌNH CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN VÀ NĂNG LỰC SỐ CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Lê Diên Quang, Đoàn Thị Thoa, Lưu Thị Thu Hà, Lê Uyển Nhi, Triệu Khánh Linh  
Khoa LLCT - GDCD, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội  
Email: lquang2605@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, phát triển năng lực số cho sinh viên sư phạm, đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục công dân, trở thành yêu cầu cốt lõi nhằm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong kỉ nguyên số. Nghiên cứu này nhằm xây dựng mô hình cộng đồng học tập trực tuyến và phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố của cộng đồng học tập với năng lực số của sinh viên. Trên cơ sở tổng quan lý thuyết về cộng đồng học tập trực tuyến và các khung năng lực số, nghiên cứu đề xuất mô hình gồm các thành tố: thiết kế môi trường học tập, chấp nhận công nghệ, động cơ học tập và mức độ tham gia. Dữ liệu được thu thập từ sinh viên sư phạm ngành Giáo dục công dân và được phân tích bằng hệ số tương quan Pearson. Kết quả cho thấy các yếu tố thuộc cộng đồng học tập trực tuyến có mối tương quan thuận và có ý nghĩa với năng lực số, trong khi các biến nền như năm học, lĩnh vực ngành và kinh nghiệm sử dụng LMS có ảnh hưởng hạn chế. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị sư phạm nhằm tối ưu hóa việc thiết kế và vận hành cộng đồng học tập trực tuyến trong đào tạo giáo viên, góp phần nâng cao năng lực số và thúc đẩy học tập suốt đời.

**Từ khóa:** Cộng đồng học tập trực tuyến, năng lực số, giáo dục công dân, chuyển đổi số, học tập trực tuyến, sinh viên sư phạm.

## ONLINE LEARNING COMMUNITY MODEL AND DIGITAL COMPETENCE OF PRE-SERVICE TEACHERS MAJORING IN CIVIC EDUCATION

**Abstract:** In the context of digital transformation in education, developing digital competence for pre-service teachers, especially those majoring in Civic Education, has become a core requirement to meet teacher professional standards in the digital era. This study aims to construct an online learning community model and examine the relationship between the components of the learning community and students' digital competence. Based on a theoretical review of online learning communities and digital competence frameworks, the study proposes a model consisting of the following components: learning environment design, technology acceptance, learning motivation, and level of participation. Data were collected from pre-service teachers majoring in Civic Education and analyzed using Pearson's correlation coefficient. The results indicate that the factors of the online learning community are positively and significantly correlated with digital competence, whereas background variables such as year of study, field of specialization, and experience in using LMS platforms have limited influence. Based on these findings, the study offers several pedagogical recommendations to optimize the design and operation of online learning communities in teacher education, thereby enhancing digital competence and promoting lifelong learning.

**Keywords:** Online learning community, digital competence, Civic Education, digital transformation, online learning, pre-service teachers.

Nhận bài: 03/03/2026

Phản biện: 02/04/2026

Duyệt đăng: 07/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục theo Quyết định số 131/QĐ-TTg, năng lực số đã trở thành một thành tố quan trọng trong chuẩn năng lực nghề nghiệp của giáo viên tương lai. Đối với sinh viên sư phạm, đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục công dân, năng lực số không chỉ dừng lại ở khả năng sử dụng công nghệ mà còn gắn với năng lực thẩm định thông tin, ứng xử có trách nhiệm trong môi trường số và phát triển tư duy phản biện trước các vấn đề xã hội.

Tuy nhiên, các nghiên cứu tại Việt Nam hiện nay chủ yếu tập trung vào khía cạnh hạ tầng công nghệ và các nền tảng kĩ thuật số như hệ thống LMS hoặc VLE, trong khi vai trò của các yếu tố sư phạm và xã hội trong môi trường học tập số, đặc biệt là cộng đồng học tập trực tuyến, chưa được quan tâm tương xứng. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy cộng đồng học tập trực tuyến không

chỉ là môi trường hỗ trợ học tập mà còn là không gian tương tác xã hội, nơi người học tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức và phát triển năng lực thông qua các hoạt động hợp tác.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết này hướng tới việc xây dựng mô hình cộng đồng học tập trực tuyến gắn với phát triển năng lực số cho sinh viên sư phạm ngành Giáo dục công dân. Đồng thời, nghiên cứu tiến hành kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố của cộng đồng học tập trực tuyến với năng lực số thông qua phân tích tương quan Pearson. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các khuyến nghị sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả thiết kế và triển khai cộng đồng học tập số trong đào tạo giáo viên, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, góp phần nâng cao năng lực số, thúc đẩy học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp liên tục,

phù hợp với định hướng giáo dục đến năm 2030 theo Quyết định số 131/QĐ-TTG.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Cộng đồng học tập trực tuyến

Trong quá trình khảo cứu, cộng đồng học tập trực tuyến có thể hiểu là một môi trường học tập có tính tương tác cao, nơi các thành viên có thể chia sẻ tri thức, hợp tác học tập và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình phát triển kiến thức và kỹ năng. Môi trường học tập này không chỉ hỗ trợ việc tiếp cận tri thức mà còn góp phần phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, hợp tác và tư duy phản biện. Việc thiết kế và phát triển các cộng đồng học tập trực tuyến phù hợp với đặc điểm của người học sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục hiện nay.

Từ quan niệm trên, chúng ta có thể nhận thấy cộng đồng học tập trực tuyến đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ quá trình học tập và phát triển năng lực của người học. Mô hình giúp mở rộng không gian học tập, tăng cường sự tương tác giữa các thành viên và thúc đẩy quá trình học tập mang tính hợp tác. Cộng đồng học tập trực tuyến cũng góp phần phát triển năng lực số cho sinh viên và tạo ra môi trường học tập phù hợp với xu hướng chuyển đổi số của giáo dục. Việc thiết kế và triển khai các mô hình cộng đồng học tập trực tuyến phù hợp với đặc điểm của người học sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong hệ thống các trường sư phạm hiện nay.

### 2.2. Năng lực số

Theo Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ban hành ngày 27/03/2026 thì NLS có thể được định nghĩa là “Khả năng sử dụng công nghệ số một cách thành thạo, an toàn, sáng tạo và có trách nhiệm trong học tập, làm việc và đời sống xã hội”. Dựa vào khái niệm này tại Việt Nam. Việc hệ thống năng lực này nhằm đảm bảo đội ngũ giáo viên trong tương lai nói chung và giáo viên GDCD nói riêng có khả năng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của thế giới số hoá và tạo ra những bài dạy hiệu quả cho học sinh nhằm phát triển theo đúng định hướng giáo dục.

Khung NLS được đề xuất cho sinh viên sư phạm theo Thông tư 18 bao gồm 6 miền và 20 năng lực cụ thể:

Miền 1: Tổ chức dạy học trong môi trường số bao gồm 4 năng lực (Giáo dục trong môi trường số; Hỗ trợ trong môi trường số; Cá nhân hoá; Hợp tác cộng tác).

Miền 2: Kiểm tra đánh giá bao gồm 3 năng lực (Phương thức đánh giá; Phân tích kết quả; Phản hồi và cải tiến).

Miền 3: Trao quyền cho người học bao gồm 3 năng lực (Tiếp cận; Giải quyết vấn đề; Khuyến khích tham gia).

Miền 4: Kỹ năng công nghệ số bao gồm 3 năng lực (Kỹ năng thông tin; Sáng tạo trong môi trường số; An toàn trong môi trường số).

Miền 5: Phát triển chuyên môn bao gồm 3 năng lực (Giao tiếp tổ chức; Hợp tác phát triển; Quản lý học liệu).

Miền 6: Trí tuệ nhân tạo bao gồm 4 năng lực (Tư duy; Đạo đức AI; Sư phạm AI; AI phát triển chuyên môn).

### 2.3. Mối quan hệ giữa cộng đồng học tập trực tuyến và năng lực số

Mối quan hệ giữa cộng đồng học tập trực tuyến và NLS của giáo viên là một tác động hỗ trợ chặt chẽ, đóng vai trò then chốt trong quá trình chuyển đổi số giáo dục hiện nay. Cộng đồng học tập trực tuyến không chỉ là nơi chia sẻ kinh nghiệm hay tài nguyên mà còn là môi trường thực hành lý tưởng để giáo viên nâng cao trình độ công nghệ thông qua việc học hỏi liên tục và tiếp cận các học liệu số mở.

Cộng đồng học tập trực tuyến được xem là môi trường học tập mang tính tương tác xã hội, trong đó người học tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức thông qua trao đổi, hợp tác và phản hồi. Trong bối cảnh này, năng lực số không chỉ là khả năng sử dụng công nghệ mà được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động học tập có sự tham gia tích cực của người học.

Việc học trong môi trường trực tuyến được hình thành thông qua sự tương tác giữa hiện diện giảng dạy, hiện diện xã hội và hiện diện nhận thức. Các thành tố này tạo điều kiện để người học tham gia vào các hoạt động như thảo luận, phản biện và hợp tác, từ đó phát triển các kỹ năng số liên quan đến tìm kiếm, đánh giá và chia sẻ thông tin. Theo quan điểm kết nối, tri thức tồn tại trong mạng lưới và được cập nhật thông qua các kết nối số. Do đó, năng lực số được hình thành thông qua khả năng tham gia vào mạng lưới, khai thác và chia sẻ thông tin trong môi trường số. Theo Thuyết tự quyết, động cơ học tập đóng vai trò trung gian quan trọng trong việc thúc đẩy hành vi tham gia. Khi người học có cảm nhận về năng lực, tính tự chủ và sự kết nối, họ sẽ tham gia tích cực hơn vào hoạt động học tập, từ đó tạo điều kiện cho việc phát triển năng lực số.

Trên cơ sở các lý thuyết trên, có thể lý giải mối quan hệ giữa cộng đồng học tập trực tuyến và năng lực số thông qua cơ chế sau:

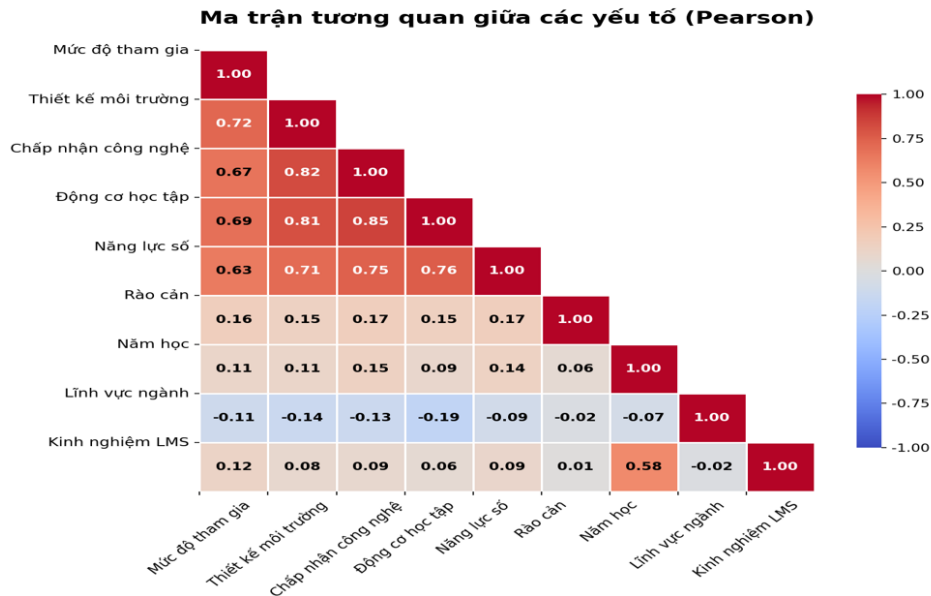
(1) Thiết kế môi trường học tập định hướng các hoạt động tương tác;

(2) Các hoạt động này thúc đẩy sự tham gia và động cơ học tập của sinh viên;

(3) Thông qua quá trình tham gia, sinh viên thực hành các kỹ năng số như tìm kiếm, đánh giá, giao tiếp và hợp tác;

(4) Từ đó góp phần hình thành và phát triển năng lực số.

## 2.4. Kết quả tương quan Pearson



(Nguồn: tổng hợp từ SPSS)

**Biểu đồ 1. Ma trận tương quan**

Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy tồn tại mối quan hệ thuận chiều và có ý nghĩa giữa năng lực số và mức độ tham gia của sinh viên trong môi trường học tập trực tuyến ( $r = 0,63$ ). Theo phân loại của Cohen, đây là mức tương quan trung bình đến khá mạnh, cho thấy năng lực số có liên hệ đáng kể với hành vi tham gia học tập của người học. Kết quả này gợi ý rằng sinh viên có năng lực số cao hơn có xu hướng tham gia tích cực hơn vào các hoạt động học tập trực tuyến.

Ý nghĩa của phát hiện này không chỉ mang tính thống kê mà còn phản ánh đặc trưng của quá trình học tập trong bối cảnh chuyển đổi số. Trong môi trường LMS, sinh viên không còn là đối tượng tiếp nhận thụ động mà tham gia vào các hoạt động học thuật như thảo luận, chia sẻ tài nguyên, phản hồi và hợp tác nhóm. Những hoạt động này đòi hỏi khả năng sử dụng công nghệ, tìm kiếm và đánh giá thông tin, cũng như giao tiếp số hiệu quả. Do đó, năng lực số có thể được xem là điều kiện nền tảng hỗ trợ việc chuyển hóa cơ hội học tập thành hành vi tham gia cụ thể.

Bên cạnh đó, ma trận tương quan cũng cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa các biến thuộc cộng

đồng học tập trực tuyến, đặc biệt là giữa động cơ học tập với năng lực số ( $r = 0,76$ ) và chấp nhận công nghệ ( $r = 0,85$ ), cũng như giữa thiết kế môi trường học tập với chấp nhận công nghệ ( $r = 0,82$ ) và động cơ học tập ( $r = 0,81$ ). Các kết quả này cho thấy các yếu tố sự phạm và tâm lý học tập có sự liên kết nội tại mạnh mẽ, trong đó thiết kế môi trường học tập đóng vai trò định hướng, góp phần thúc đẩy sự chấp nhận công nghệ và hình thành động cơ học tập của sinh viên.

Ngược lại, các biến nền như năm học, lĩnh vực ngành và kinh nghiệm sử dụng LMS có hệ số tương quan thấp với các biến nghiên cứu chính, cho thấy ảnh hưởng hạn chế đến năng lực số và mức độ tham gia. Điều này củng cố nhận định rằng sự tham gia học tập trong môi trường trực tuyến không phụ thuộc chủ yếu vào đặc điểm cá nhân sẵn có, mà chịu tác động đáng kể từ cách thức tổ chức môi trường học tập và các yếu tố sự phạm đi kèm.

Kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm ủng hộ mối liên hệ lý thuyết giữa cộng đồng học tập trực tuyến và sự phát triển năng lực số của sinh viên sự phạm. Các hệ số tương quan

thuận ở mức trung bình đến mạnh giữa năng lực số và các biến thuộc cộng đồng học tập trực tuyến - đặc biệt là động cơ học tập, chấp nhận công nghệ và mức độ tham gia - phù hợp với các nghiên cứu trước đây nhấn mạnh vai trò của môi trường học tập mang tính tương tác xã hội trong việc phát triển năng lực số.

Từ góc độ khung lý thuyết Cộng đồng học tập truy vấn, kết quả cho thấy các thành tố tương ứng với hiện diện giảng dạy (thể hiện qua thiết kế môi trường học tập) và hiện diện nhận thức – xã hội (thể hiện qua động cơ và mức độ tham gia) có mối liên hệ chặt chẽ với năng lực số của người học. Mối tương quan đáng kể giữa động cơ học tập và năng lực số ( $r = 0,76$ ), cũng như giữa mức độ tham gia và năng lực số ( $r = 0,63$ ), cho thấy sự tham gia có ý nghĩa trong cộng đồng học tập trực tuyến không chỉ hỗ trợ quá trình kiến tạo tri thức mà còn góp phần phát triển các năng lực số. Điều này củng cố quan điểm cho rằng năng lực số không đơn thuần là năng lực kỹ thuật, mà được hình thành thông qua quá trình tương tác, phản tư và tham gia trong cộng đồng học tập.

Bên cạnh đó, mối liên hệ chặt chẽ giữa chấp nhận công nghệ với động cơ học tập ( $r = 0,85$ ) và năng lực số ( $r = 0,75$ ) phù hợp với Mô hình chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model – TAM). Theo đó, thái độ tích cực đối với công nghệ có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy động cơ và hành vi tham gia học tập. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có mức độ chấp nhận công nghệ cao hơn thường có động cơ học tập mạnh hơn và đạt mức năng lực số cao hơn, từ đó nhấn mạnh vai trò của yếu tố tâm lý – nhận thức trong môi trường học tập số.

Ngoài ra, mối tương quan cao giữa thiết kế môi trường học tập với chấp nhận công nghệ ( $r = 0,82$ ) và động cơ học tập ( $r = 0,81$ ) làm nổi bật vai trò của yếu tố sư phạm trong cộng đồng học tập trực tuyến. Kết quả này có thể được lý giải theo Thuyết tự quyết (Self-Determination Theory – SDT), trong đó nhấn mạnh vai trò của cảm nhận về năng lực, tính tự chủ và sự kết nối trong việc duy trì động cơ học tập. Một môi trường học tập được thiết kế tốt có thể góp phần nâng cao cảm nhận năng lực và tính tự chủ của người học, từ đó thúc đẩy động cơ nội tại và sự tham gia bền vững.

Đáng chú ý, các biến nền như năm học, lĩnh vực ngành và kinh nghiệm sử dụng LMS có hệ số tương quan thấp với năng lực số và mức độ tham gia, cho thấy ảnh hưởng hạn chế của các yếu tố

này. Kết quả này gợi ý rằng năng lực số và hành vi tham gia không phụ thuộc chủ yếu vào đặc điểm cá nhân sẵn có, mà chịu tác động mạnh hơn từ cách thức thiết kế và tổ chức môi trường học tập. Phát hiện này góp phần chuyển hướng trọng tâm từ việc nhấn mạnh điều kiện tiếp cận công nghệ sang việc chú trọng chất lượng thiết kế sư phạm và tương tác học tập.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng phân tích tương quan Pearson trong nghiên cứu này chỉ phản ánh mức độ và chiều hướng mối quan hệ giữa các biến, chưa cho phép khẳng định quan hệ nhân quả. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng bằng cách sử dụng các phương pháp phân tích nâng cao như hồi quy hoặc mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) nhằm làm rõ cơ chế tác động giữa các yếu tố.

Như vậy, kết quả nghiên cứu khẳng định rằng cộng đồng học tập trực tuyến cần được tiếp cận không chỉ như một nền tảng công nghệ, mà như một môi trường sư phạm được thiết kế có chủ đích, tích hợp giữa tương tác, động cơ và cấu trúc học tập, nhằm hỗ trợ hiệu quả sự phát triển năng lực số của sinh viên sư phạm.

### III. KẾT LUẬN

Theo Selma Vonderwell việc thiết kế môi trường học tập trực tuyến không chỉ dừng lại ở yếu tố kỹ thuật mà cần đảm bảo tính “sư phạm hóa”, giúp người học định hướng và tương tác hiệu quả. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây chủ yếu đưa ra các nguyên tắc chung mà chưa cung cấp các hướng dẫn cụ thể về cách thiết kế môi trường học tập theo từng mục tiêu đào tạo. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố thuộc cộng đồng học tập trực tuyến như thiết kế môi trường học tập, chấp nhận công nghệ, động cơ học tập và mức độ tham gia có mối tương quan thuận với năng lực số của sinh viên, trong khi các yếu tố nền như năm học hay kinh nghiệm LMS có ảnh hưởng hạn chế. Điều này khẳng định rằng việc phát triển năng lực số không phụ thuộc chủ yếu vào hạ tầng công nghệ, mà chịu tác động mạnh từ các yếu tố sư phạm và hành vi học tập trong môi trường số.

Trên cơ sở đó, việc thiết kế cộng đồng học tập trực tuyến cần được tiếp cận theo hướng sư phạm hóa, bắt đầu từ xác định mục tiêu năng lực cụ thể theo nguyên tắc SMART, gắn với đặc thù đào tạo sinh viên ngành Giáo dục công dân nhằm giúp sinh viên xây dựng kiến thức và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Nội dung học tập cần được cụ thể hóa thông qua các kịch bản dạy học chi tiết, hướng tới phát triển năng lực giải quyết các tình

huống đạo đức và pháp luật trong thực tiễn. Quy trình thiết kế nên vận dụng mô hình ADDIE kết hợp với khung Cộng đồng học tập truy vấn nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa dạy học, tương tác và phát triển nhận thức.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn công nghệ cần dựa trên mục tiêu sư phạm thay vì xu hướng, đồng thời thiết lập cơ chế đánh giá đa chiều và cải tiến liên tục dựa trên dữ liệu học tập. Cách tiếp cận này không chỉ đảm bảo việc phân loại năng lực sinh viên một cách khách quan, mà còn cung cấp cơ sở dữ liệu quan trọng để giảng viên điều chỉnh phương pháp giảng dạy, từ đó xây dựng một hệ sinh thái học tập linh hoạt, bền vững và thực sự lấy người học làm trung tâm.

Như vậy, cộng đồng học tập trực tuyến không chỉ là công cụ hỗ trợ mà là một môi trường giáo dục có giá trị tự thân, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực số cho sinh viên sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục. Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số, cộng đồng này không chỉ đóng vai trò là không gian chuyển tải tri thức mà còn là môi trường thực chứng giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực số một cách toàn diện. Đây chính là chìa khóa để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của giáo dục đại học trong kỷ nguyên mới, nơi người học trở thành trung tâm của mọi quá trình tương tác và kiến tạo tri thức.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục đến năm 2025, định hướng 2030. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=204888&type=1&tagid=7>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT: Ban hành khung năng lực cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217451>
- Cao, D. C. (2023). Thiết kế bài học lí thuyết trong dạy học kĩ thuật. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 68(4), 136-146. <https://vjol.info.vn/index.php/DHSP-GD/article/view/84169>
- Davis, A. L. (2013). Using instructional design principles to develop effective information literacy instruction: The ADDIE model. *College & Research Libraries News*, 74(4), 205–207. <https://crln.acrl.org/index.php/crlnews/article/view/8934/9656>
- Hạnh. (2025, July 25). Hướng dẫn thiết kế bài giảng theo mô hình ADDIE bài bản 2025. OES - Công ty Dịch vụ E-learning hàng đầu Việt Nam. <https://oes.vn/thiet-ke-bai-giang-theo-mo-hinh-addie/>
- Hou, H. (2014). What makes an online community of practice work? A situated study of Chinese student teachers' perceptions of online professional learning. *Teaching and Teacher Education*, 46, 6–16. <https://doi.org/10.1016/j.tate.2014.10.005>
- Reisoğlu, İ., & Çebi, A. (2020). How can the digital competences of pre-service teachers be developed? Examining a case study through the lens of DigComp and DigCompEdu. *Computers & Education*, 156, 103940. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.103940>
- Tect. (2024, April 16). Giải pháp ứng dụng mô hình học tập kết hợp trong giáo dục đại học ở Việt Nam. Tạp chí Công Thương. <https://tapchicongthuong.vn/gia-i-pha--pu--ng-du--ng-mo-hi--nh-ho--c-ta--p-ke--t-ho--p-trong-gia--o-du--c-da--i-ho--co-vie--t-nam-119761.htm>
- Vonderwell, S., & Zachariah, S. (2005). Factors that influence participation in online learning. *Journal of Research on Technology in Education*, 38(2), 213–230. <https://doi.org/10.1080/15391523.2005.10782457>
- Yuan, J., & Kim, C. (2014). Guidelines for facilitating the development of learning communities in online courses. *Journal of Computer Assisted Learning*, 30(3), 220–232. <https://doi.org/10.1111/jcal.12042>